

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST

Ngày 12 - 01- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghị

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 131/2021/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/HSST-QĐ, ngày 22-12-2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/HSST-QĐ, ngày 31-12-2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST-QĐ, ngày 06-01-2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1990; tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 30/2017/HS-ST ngày 13-6-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 06 tháng về tội “ Chứa mại dâm”. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù cho hưởng án treo. Bị cáo trốn truy nã, ngày 04-10-2021 bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 04-10-2021 đến ngày 06-10-2021 được thay thế biện pháp ngăn

chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện bị cáo tại ngoại- có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K:** Bà Trần Thị Dung - Luật sư công ty Luật TNHH một thành viên Tâm Thanh Bình thuộc đoàn luật sư tỉnh Thái Bình (có mặt).

*** Những người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn L (T), sinh năm 1986

2. Chị Trần Phương T1, sinh năm 1988

Đều cư trú tại: Thôn H, xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Phạm Văn H4, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện, tỉnh Thái Bình.

4. Anh Nguyễn Duy B, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn N, xã T2, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

5. Anh Bùi Đăng A, sinh năm 1978

6. Anh Trần Văn H, sinh năm 1983

Đều cư trú tại: Thôn H, xã H1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02-11-2018, Nguyễn Văn L (T) đi cùng với Trần Văn H, Nguyễn Duy B và Nguyễn Văn K đến khu nuôi cá lồng của anh Bùi Đăng A ở bãi sông Luộc, thuộc địa phận thôn V 4, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình để câu cá. Tại đây, An có nói với L “Anh Q có hỏi mua cá của thằng chủ lồng, tuy nhiên có thằng ở nơi khác trả giá cao hơn nên không bán cho anh Q nữa, anh Q nhờ xem có anh em nào đến dọa thằng chủ cá để lần sau không đến nữa”, L nói với A “Việc này cứ để bọn em làm”. Sau đó, An chở L đến nhà Đặng Văn Q, sinh năm 1967, trú tại thôn N, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Tại đây, Q, nói với L “Anh đặt mua cá của tay chủ tên B, giá cả đã T lượng nhưng thằng chủ mua cá bên Hải Dương nó trả cao hơn nên chủ cá nó không bán cho anh nữa, giờ các chú giúp anh lên dọa nó để lần sau nó không mua nữa”, L nói “Việc này cứ để bọn em giúp”. Q chỉ đường cho L đến nhà anh Đào Văn B, sinh năm 1968, trú tại thôn A, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình là chủ lồng cá và nói tên người chủ mua cá là L1. L, An quay lại lồng cá của An, L gọi điện thoại cho H, K, B đến và nói “Anh Q là anh của anh A nhờ mấy anh em mình giúp dọa thằng chủ mua cá để lần sau không dám đến mua cá nữa”. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển chiếc xe máy Wave màu đỏ, biển kiểm soát 17.4503 của L chở L; B và K đi xe Dream màu nâu, biển kiểm soát 17L1 -

1256 của H đi đến gần cổng nhà anh Đào Văn B. L bảo B vào hỏi chủ mua cá có phải là Long không, B vào hỏi, sau đó quay lại nói “Không phải”; L, B, K, H đi lòng vòng trên đê để đợi người mua cá lên. Sau đó, thấy có 01 xe tải chở cá đi lên đê hướng về huyện Quỳnh Phụ, L vẫy tay yêu cầu dừng xe lại hỏi người lái chiếc xe trên là anh Lưu Như T3, sinh năm 1974, trú tại thôn B, xã B1, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương “Ai là chủ mua cá”, anh T3 trả lời “anh H4”. L bắt anh T3 gọi điện thoại cho anh H4 lên, sau đó anh T3 mượn xe máy của L đi gọi anh H4. L lấy một con dao bằng kim loại, dài khoảng 30cm để sẵn ở trong cốp xe của L ra vát xuống vệ đường bên trái theo chiều đi của xe ô tô. Đến khoảng 16 giờ 30 phút sau khi thu mua cá nhà anh Đào Văn B xong, anh H4 đi xe máy theo sau xe ô tô chở cá lên đê chỗ nhóm L đang đứng. Anh H4 vừa dừng xe, đứng xuống đường thì L chửi và dùng tay phải tát một nhát vào mặt anh H4, tay trái đâm vào ngực anh H4. Do sợ hãi nên anh H4 đã xin L bỏ qua nhưng L không cho nên bảo anh H4 ra chỗ khác nói chuyện. L đi sang bên kia đường, chỗ L để dao, thấy H4 vẫn đứng không đi theo L, H nói “Mày điếc à” rồi dùng chân đá 01 nhát vào hông bên trái anh H4. Anh H4 đi theo L sang vệ đường đê bên trái. Lúc đó, L cầm con dao đập nhiều nhát xuống đất và bắt anh H4 đưa cho L số tiền 10.000.000 đồng, anh H4 xin được đưa cho L 5.000.000 đồng nhưng L không đồng ý. Do sợ bị L đánh nên anh H4 đi đến chỗ xe tải do anh Đào Văn H5, sinh năm 1982, trú tại thôn H6, xã H7, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương (là người mua lại cá của anh H4) điều khiển đỗ ở gần đó hỏi anh H5 là tiền hàng còn bao nhiêu, anh H5 nói còn 9.000.000 đồng và đưa cho anh H4 cầm đến đưa cho L. L cầm tiền cho vào túi quần bên phải phía trước, cất dao vào cốp xe và đi ra bảo H, B, K đi về lòng cá của A. Số tiền trên, L mua quả hết 200.000 đồng, đưa cho H và B 500.000 đồng đi mua thức ăn đem về nhà L, sau đó ai về nhà người ấy, đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H và B đến nhà L ăn cơm.

Sau khi ăn xong, ngồi uống nước tại nhà L có L, H, K, B, An và anh Nguyễn Xuân H7, sinh năm 1989, trú tại thôn C 2, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (là bạn của L, H, K, B, An), L kiểm đếm, cộng lại số tiền thì thấy tổng chỉ có 8.000.000 đồng và nói “chiều thằng mua cá có mấy đồng uống nước”. Nghe xong, An bảo L ra ngoài hiên và nói “Anh và Q có dặn mày làm thế đâu. Việc anh Q nhờ chỉ mang tính chất dọa mà mày lấy tiền của nó thì cướp à”. L không nói gì và cả hai cùng đi vào trong nhà. L đưa cho An 1.000.000 đồng, ban đầu An không nhận, khoảng 5 phút sau thì An nhận và đi về. L đưa H, B, K mỗi người 1.000.000 đồng. Thấy chân Hà bị đau nên L cầm 2.000.000 đồng đưa cho H và nói “Em cầm tiền đi mua thuốc men”. Sau đó, K cũng đưa cho H7 500.000 đồng nói đi mua thuốc về chữa bệnh.

Bản cáo trạng số 140/CT-KSHH, ngày 29-11-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án và nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà giữ quyền công tố tại phiên tòa khẳng định quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn K như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Không tố giác tội phạm”. Áp dụng khoản 1 Điều 390; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 09 tháng đến 01 năm tù, tổng hợp hình phạt hình phạt 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo của Bản án số 30/2017/HS-ST ngày 13-6-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 04-10-2021 đến ngày 06-10-2021; về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo K đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội

đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà ngày 08-11-2018; Các biên bản nhận dạng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập ngày 15-12-2018; Lời khai của người làm chứng anh Phạm Văn H4, anh Nguyễn Văn L (T), chị Trần Phương T1, Nguyễn Duy B, anh Trần Văn H và anh Bùi Đăng A cùng các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02-11-2018, tại đê sông Luộc thuộc địa phận thôn Ái Quốc, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Nguyễn Văn L (T) có hành vi dùng tay tát vào mặt, dùng dao đe dọa, chiếm đoạt của anh Phạm Văn H4, sinh năm 1975, trú tại thôn C, xã Q, huyện Quỳnh Phục, tỉnh Thái Bình số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn K biết rõ L có hành vi đánh anh H4 và chiếm đoạt số tiền trên nhưng không đến Cơ quan có thẩm quyền để tố giác.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn K đã phạm tội “không tố giác tội phạm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự. Điều luật quy định như sau:

Điều 390. Tội không tố giác tội phạm

1. Người nào biết rõ một trong các tội phạm quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 14 của Bộ luật này đang được chuẩn bị hoặc một trong các tội phạm quy định tại Điều 389 của Bộ luật này đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Người không tố giác nếu đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi mà bị cáo Nguyễn Văn K thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tiến hành tố tụng

trong việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm nên cần phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo.

[5] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đầu thú nên được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Tại bản án số 30/2017/HS-ST ngày 13-6-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 06 tháng về tội “ Chứa mại dâm”, đến ngày 02-11-2018, bị cáo thực hiện hành vi “ Không tố giác tội phạm”. Như vậy bị cáo đang chấp hành thời gian thử thách của án treo lại thực hiện hành vi phạm tội mới nên theo quy định tại Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự thì bị cáo phải chấp hành hình phạt 01 năm 09 tháng tù của bản án số 30/2017/HS-ST ngày 13-6-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên và tổng hợp với hình phạt của bản án mới đối với bị cáo.

Từ những nhận xét trên, HĐXX cần phải áp dụng hình phạt tù theo quy định của khung hình phạt, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cuộc sống ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và có tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Đối với Nguyễn Văn L (T), Nguyễn Duy B và Bùi Đăng A đã bị Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử tại bản án số 50/2019/HSST, ngày 08-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên HĐXX không giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại bản án số 50/2019/HSST, ngày 08-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và đã có hiệu lực pháp luật nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà và của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 390; Điều 50, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 09 (chín) tháng tù về tội “ Không tố giác tội phạm”. Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “ Chứa mại dâm” tại bản án số 30/2017/HS-ST ngày 13-6-2017 của Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 bản án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 04-10-2021 đến ngày 06-10-2021.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

